

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
NAM

HUYỆN TRÀ ÔN  
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập – Tự do - A phúc

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-7-2022

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Khôi
2. Ông Phạm Văn Nhơn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Thạch Thị Tuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Ông Kim Quang Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1982. “vắng mặt”.

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã V, huyện X, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Ngọc N, sinh năm 1981. “vắng mặt”.

Địa chỉ cư trú: ấp V, xã T, huyện Q, tỉnh Vĩnh Long.

3. *Người làm chứng:* Chị Lê Thị A, sinh năm 1984 “vắng mặt”.

Địa chỉ cư trú: ấp M, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 04/4/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: Giữa chị và anh Bùi Ngọc N thành hôn năm 2002, trên cơ sở tự nguyện và có đăng

ký kết hôn tại xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi kết hôn vợ chồng sống A phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Nay anh xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên anh yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: có 02 con chung tên Bùi Ngọc Lam B, sinh ngày 27/9/2004 và Bùi Ngọc San N, sinh ngày 13/02/2012, hiện tại đang sống với chị. Nay chị yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn của chị H, Tòa án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý và Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn anh Bùi Ngọc N vắng mặt, nguyên đơn chị H có văn bản đề nghị vắng mặt tham gia tố tụng nên không mở được phiên họp và hòa giải được giữa các đương sự nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

Người làm chứng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát huyện Trà Ôn phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, người làm chứng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành đầy đủ về quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, 19, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Bùi Ngọc N.

Về con chung: Giao 02 con chung Bùi Ngọc Lam B, sinh ngày 27/9/2004 và Bùi Ngọc San I, sinh ngày 13/02/2012 cho chị Lê Thị H nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị H nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Bùi Ngọc Như, địa chỉ: ấp T, xã V, huyện X, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn. Do đó, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chị Lê Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn anh Bùi Ngọc N được Tòa án triệu tập hợp lệ Iều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Người làm chứng có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị H và anh Bùi Ngọc N kết hôn vào ngày 22/7/2002 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận kết hôn số 108, anh chị kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Chị Lê Thị H cho rằng, sau khi kết hôn vợ chồng sống A phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau. Xét lời trình bày của chị H cũng phù hợp với lời khai của người làm chứng mà Tòa án thu thập được. chị H hiện tại xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: chị H và anh N có hai con chung tên Bùi Ngọc Lam B, sinh ngày 27/9/2004 và Bùi Ngọc San I, sinh ngày 13/02/2012 hiện đang sống chung với chị, nay chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy 02 con chung từ nhỏ sống bên gia đình chị H, cuộc sống đảm bảo, do vậy tiếp tục giao 02 con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con

chung, không ai được quyền cản trở là phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: chị H, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nên miễn xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị H nộp 300.000đồng án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị H.

#### **1. Về hôn nhân:**

Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Bùi Ngọc N.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Bùi Ngọc Lam B, sinh ngày 27/9/2004 và Bùi Ngọc San I, sinh ngày 13/02/2012 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Bùi Ngọc N không phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

#### **3. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Chị Lê Thị H có nghĩa vụ nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0014454 ngày 04/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Chị H đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
ĐÃ KÝ**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Y;
- THADS huyện P;
- UBND xã V;
- (GCN kết hôn số 108  
ngày 22/7/2002)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Hồ Hoàng Phong**